

Số: 197/QĐ-UBND

Bùi La Nhân, ngày 11 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 2709/KH-UBND ngày 05/9/2024 của UBND huyện, Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2024 của UBND xã Bùi La Nhân về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông, lâm, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2024

- Căn cứ kết quả cuộc họp Ban Chỉ đạo sau phúc tra rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2024, xã Bùi La Nhân, ngày 04 tháng 12 năm 2024

Căn cứ Biên bản thẩm định số 4114 ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đức Thọ

Xét đề nghị của Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp xã, căn cứ vào kết quả điều tra xác định hộ nghèo, cận nghèo đầu năm 2024 của các thôn và đề nghị của cán bộ chính sách xã hội xã.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2024 trên địa bàn xã Bùi La Nhân như sau:

- Tổng số hộ dân toàn xã: 2.182 hộ; 6.677 khẩu
- Tổng số hộ nghèo đa chiều toàn xã: 49 hộ; 100 khẩu. Tỷ lệ hộ nghèo: 2,25%

Tỷ lệ nghèo đa chiều (tổng tỷ lệ hộ nghèo trừ số hộ nghèo đa chiều không có khả năng lao động chia cho tổng hộ dân cư trừ số hộ nghèo đa chiều không có khả năng lao động): 0,79 %



Trong đó:

- + Hộ nghèo không có khả năng lao động: 32 hộ, với 39 khẩu. Tỷ lệ 65,3%;
- + Hộ nghèo có thành viên là NCC với cách mạng: 0 hộ, với: 0 khẩu. Tỷ lệ 0%;
- + Hộ nghèo dân tộc thiểu số: 01 hộ, với 06 khẩu. Tỷ lệ 2,04%;
- 3. Tổng số hộ cận nghèo đa chiều toàn xã: 70 hộ; số khẩu: 223 khẩu; Tỷ lệ hộ cận nghèo: 3,2%

Tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều (tổng tỷ lệ hộ cận nghèo trừ số hộ cận nghèo đa chiều không có khả năng lao động chia cho tổng hộ dân cư trừ số hộ cận nghèo đa chiều không có khả năng lao động): 2,35%

Trong đó:

+ Hộ cận nghèo không có khả năng lao động: 19 hộ, với 29 khẩu. Tỷ lệ 27,1%;

+ Hộ cận nghèo có thành viên là NCC với cách mạng: 03 hộ, với 16 khẩu. Tỷ lệ 4,28%;

+ Hộ nghèo dân tộc thiểu số: 00 hộ; với 00 khẩu. Tỷ lệ 0%;

4. Tỷ lệ nghèo đa chiều (tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo đa chiều theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 trừ số hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều không có khả năng lao động): 3,14 %

5. Tổng số hộ thoát nghèo: 17 hộ; 38 khẩu. Số hộ thoát cận nghèo: 36 hộ; 97 khẩu

6. Hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2024. Số hộ 1.248 hộ; 6.062 khẩu, tỷ lệ 57,2%

Điều 2: Giao Công chức Lao động - Thương binh và xã hội, tổng hợp danh sách hộ, khẩu được Ủy ban nhân dân xã phê duyệt báo cáo Ủy ban nhân dân huyện (qua Phòng LĐTB&XH) và thông báo kết quả cho các thôn, xóm. Phối hợp với Phòng LĐTB&XH, Bảo hiểm xã hội, Ban Tài chính kế toán và các chức danh liên quan thực hiện các chính sách đối với hộ nghèo theo quy định.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực từ ngày ban hành.

Văn phòng HĐND- UBND, Ban chỉ đạo điều tra xác định hộ nghèo, cận nghèo xã và 09/09 thôn căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Phòng LĐTB &XH (bc);
- TT Đảng ủy - HDND xã (bc);
- CT, PCT UBND xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Linh

